

## **KẾ HOẠCH**

**Thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non,  
tiểu học, trung học cơ sở năm 2023 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam  
theo Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ**

### **I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH**

- Luật Giáo dục ngày 14/6/2019;
- Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ Quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở;
- Thông tư số 24/2020/TT-BGDĐT ngày 25/8/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định việc sử dụng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở chưa đáp ứng trình độ chuẩn được đào tạo;
- Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập;
- Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp hạng viên chức giảng dạy trong các trường tiểu học công lập;
- Thông tư số 03/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường trung học cơ sở công lập;
- Kế hoạch số 681/KH-BGDĐT ngày 28/8/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Kế hoạch thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở giai đoạn 2020 - 2025;
- Công văn số 1404/NGCBQLGD-CSNGCB ngày 09/10/2020 của Cục Nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục về triển khai thực hiện Nghị định số 71/2020/NĐ-CP;
- Kế hoạch số 1666/KH-UBND ngày 04/4/2018 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 25/4/2017 của Tỉnh ủy về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo tỉnh Quảng Nam đến 2020 và định hướng đến 2025;

### **II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH**

#### **1. Mục đích, yêu cầu**

- Đáp ứng các yêu cầu quy định về vị trí việc làm, đảm bảo theo Điều lệ mỗi cấp học và theo yêu cầu nhiệm vụ từng năm học.

- Nâng cao năng lực trong công tác quản lý, dạy học, phát huy tinh thần trách nhiệm, nâng cao hiệu quả công tác.

- Triển khai có hiệu quả, đạt chỉ tiêu việc thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo năm 2023 của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở theo Nghị định số 71/2020/NĐ-CP.

- Làm căn cứ để UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định dự toán chi ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước nhằm thực hiện nhiệm vụ đào tạo nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên hằng năm theo kế hoạch.

## **2. Phạm vi, đối tượng**

### **a) Phạm vi**

- Thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo cho cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở được quy định tại Nghị định số 71/2020/NĐ-CP, cụ thể như sau:

- Có bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm trở lên đối với giáo viên mầm non;

- Có bằng cử nhân thuộc ngành đào tạo giáo viên trở lên đối với giáo viên tiểu học, trung học cơ sở hoặc có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm.

### **b) Đối tượng**

- Giáo viên mầm non chưa có bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm trở lên, tính từ ngày 01/7/2020 còn đủ 07 năm công tác (*84 tháng*) đến tuổi được nghỉ hưu theo quy định.

- Giáo viên tiểu học chưa có bằng cử nhân thuộc ngành đào tạo giáo viên tiểu học hoặc chưa có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm trở lên, tính từ ngày 01/7/2020 còn đủ 8 năm công tác (*96 tháng*) đối với giáo viên có trình độ trung cấp, còn đủ 7 năm công tác (*84 tháng*) đối với giáo viên có trình độ cao đẳng đến tuổi được nghỉ hưu theo quy định.

- Giáo viên trung học cơ sở chưa có bằng cử nhân thuộc ngành đào tạo giáo viên hoặc chưa có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm trở lên, tính từ ngày 01/7/2020 còn đủ 7 năm công tác (*84 tháng*) đến tuổi được nghỉ hưu theo quy định.

## **3. Nguyên tắc, số lượng**

### **a) Nguyên tắc**

- Việc tổ chức thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên phải bảo đảm phù hợp với thực trạng đội ngũ giáo viên và điều kiện của các cơ sở giáo dục, địa phương; không để xảy ra tình trạng thiếu giáo viên giảng dạy.

- Việc xác định đối tượng giáo viên tham gia đào tạo nâng trình độ chuẩn được đào tạo phải bảo đảm đúng độ tuổi, trình độ đào tạo của giáo viên. Ưu tiên bố trí những giáo viên còn đủ tối thiểu năm công tác tính đến tuổi nghỉ hưu theo quy định tại Điều 2, Nghị định số 71/2020/NĐ-CP tham gia đào tạo trước. Trường hợp giáo viên không còn đủ năm công tác, không thuộc đối tượng thực hiện nâng

trình độ chuẩn được đào tạo thì thực hiện theo quy định tại Thông tư số 24/2020/TT - BGDĐT ngày 25/8/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định việc sử dụng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở chưa đáp ứng trình độ chuẩn được đào tạo.

- Việc thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên phải bảo đảm khách quan, công khai, công bằng và hiệu quả.

- Các địa phương phải có kế hoạch sắp xếp, bố trí cán bộ giáo viên đúng vị trí việc làm sau khi đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định.

#### b) Số lượng:

Số lượng cán bộ quản lý, giáo viên tham gia đào tạo nâng trình độ chuẩn toàn ngành năm 2023: 558 người (*Mầm non: 17 người, Tiểu học: 280 người, Trung học cơ sở: 261 người*).

#### Cụ thể:

- Số lượng cán bộ quản lý, giáo viên được cử đi đào tạo nâng trình độ chuẩn năm 2021 tiếp tục đào tạo năm 2023: 291 người (*Mầm non: 15 người, tiểu học: 138 người, trung học cơ sở: 138 người*).

- Số lượng cán bộ quản lý, giáo viên được cử đi đào tạo nâng trình độ chuẩn năm 2022 tiếp tục đào tạo năm 2023: 72 người (*Mầm non: 01 người, tiểu học: 48 người, trung học cơ sở: 23 người*).

- Số lượng cán bộ quản lý, giáo viên đào tạo mới năm 2023 là 195 người (*Mầm non: 01 người, tiểu học: 94 người, trung học cơ sở: 100 người*), trong đó:

+ Số cán bộ quản lý, giáo viên được cử đi đào tạo năm 2021, 2022 chuyển sang đào tạo năm 2023 là 158 người (*Mầm non: 00 người, tiểu học: 69 người, trung học cơ sở: 89 người*).

+ Số cán bộ quản lý, giáo viên đăng ký mới năm 2023 là 37 người (*Mầm non: 01 người, tiểu học: 25 người, trung học cơ sở: 11 người*).

*(Chi tiết theo Phụ lục I đính kèm)*

#### **4. Quyền và trách nhiệm của cán bộ quản lý, giáo viên tham gia đào tạo nâng trình độ chuẩn**

- Được cơ quan quản lý sử dụng tạo điều kiện về thời gian; được hỗ trợ 100% tiền học phí theo thực tế (*áp dụng theo quy định hiện hành của pháp luật đối với sinh viên theo học các trường sư phạm*).

- Được tính thời gian đào tạo vào thời gian công tác liên tục.

- Cán bộ quản lý, giáo viên được cử đi đào tạo thực hiện các quy định về đào tạo; chịu sự quản lý của cơ sở đào tạo trong thời gian tham gia các hoạt động đào tạo.

- Có cam kết thực hiện nhiệm vụ, công vụ tại cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông sau khi hoàn thành chương trình đào tạo trong thời gian ít nhất gấp 02 lần thời gian đào tạo.

- Trong suốt thời gian khóa học, cán bộ quản lý, giáo viên vẫn phải thực hiện các nhiệm vụ công tác theo quy định khi không phải tham gia các hoạt động đào tạo.

- Trường hợp cán bộ quản lý, giáo viên không hoàn thành chương trình đào tạo theo thời gian quy định dẫn đến phải kéo dài thời gian đào tạo thì phải tự chi trả các khoản chi phí đào tạo phát sinh trong thời gian đào tạo kéo dài. Cán bộ quản lý, giáo viên tự ý nghỉ học giữa chừng mà không có lý do chính đáng phải bồi thường kinh phí đào tạo theo quy định.

### **5. Phương thức, hình thức, thời gian đào tạo**

#### a) Phương thức đào tạo

- Việc đào tạo nâng trình độ chuẩn của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở thực hiện theo phương thức giao nhiệm vụ.

- Đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở theo Nghị định 71/2020/NĐ-CP: Trường Đại học Quảng Nam.

#### b) Hình thức, thời gian đào tạo

- Hình thức đào tạo: Vừa làm vừa học.

- Thời gian đào tạo: Theo quy định hiện hành.

### **6. Kinh phí thực hiện**

Nguồn kinh phí triển khai Kế hoạch thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở năm 2023:

- Kinh phí thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của cán bộ quản lý, giáo viên do ngân sách bảo đảm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

- Việc thanh toán kinh phí đào tạo nâng trình độ chuẩn của cán bộ quản lý, giáo viên cho các cơ sở đào tạo được giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu theo quy định của pháp luật.

- Cụ thể:

+ Hỗ trợ 100% tiền đóng học phí bằng mức thu học phí của các cơ sở đào tạo nơi giáo viên theo học đáp ứng chuẩn trình độ theo bậc học.

+ Tổng kinh phí dự kiến năm 2023: 5.242.095.000 đồng (*Năm tỷ hai trăm bốn mươi hai triệu không trăm chín lăm ngàn đồng chẵn*).

*(Chi tiết dự trù kinh phí đào tạo nâng trình độ chuẩn cho cán bộ quản lý, giáo viên mầm non, tiểu học, THCS năm 2023 theo Phụ lục II đính kèm).*

## **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Sở Giáo dục và Đào tạo**

- Là cơ quan đầu mối, thường trực giúp UBND tỉnh chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn, theo dõi việc triển khai Kế hoạch thực hiện lộ trình của các huyện, thị xã, thành phố và các cơ sở đào tạo giáo viên.

- Chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thị xã, thành phố rà soát, lập danh sách giáo viên thực hiện nâng trình độ chuẩn; đồng thời, xây dựng kế hoạch thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở năm 2023 theo Nghị định số 71/2020/NĐ-CP.

- Phối hợp với Sở Tài chính, báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định dự toán chi ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ đào tạo nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên hằng năm theo kế hoạch.

## **2. Sở Nội vụ**

Thẩm định danh sách giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo năm 2023 theo đúng Nghị định số 71/2020/NĐ-CP; phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

## **3. Sở Tài chính**

- Căn cứ Kế hoạch, Quyết định phê duyệt danh sách giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo năm 2023 theo Nghị định số 71/2020/NĐ-CP của UBND tỉnh; mức thu học phí của các cơ sở đào tạo nơi giáo viên học đáp ứng chuẩn trình độ bậc học theo quy định hiện hành của cấp có thẩm quyền và đề xuất của Sở Giáo dục và Đào tạo; tiến hành thẩm định, tham mưu bổ sung kinh phí để Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện nhiệm vụ đặt hàng, giao nhiệm vụ đào tạo nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở thực hiện nâng trình độ chuẩn năm 2023.

- Hướng dẫn việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

## **4. Trường Đại học Quảng Nam**

- Chuẩn bị các điều kiện về chương trình, tài liệu, học liệu; cơ sở vật chất, trang thiết bị; đội ngũ giảng viên để thực hiện lộ trình đào tạo nâng trình độ chuẩn của giáo viên.

- Căn cứ Kế hoạch thực hiện đào tạo nâng trình độ chuẩn cho giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở theo Nghị định số 71/2020/NĐ-CP hằng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh và danh sách cán bộ quản lý, giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở đủ điều kiện đào tạo nâng trình độ chuẩn đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt để tổ chức đào tạo nâng trình độ chuẩn cho giáo viên đảm bảo chất lượng và theo đúng quy định hiện hành.

## **5. UBND các huyện, thị xã, thành phố**

Chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo căn cứ Kế hoạch thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở năm 2023 của UBND tỉnh để triển khai thực hiện.

## **6. Các cơ sở giáo dục**

- Xây dựng kế hoạch, lập danh sách giáo viên thuộc đối tượng phải nâng trình độ chuẩn được đào tạo năm 2023.

- Căn cứ vào kế hoạch được phê duyệt, bố trí, sắp xếp công việc để tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên nâng trình độ chuẩn.

- Bảo đảm các chế độ, chính sách đối với giáo viên theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở năm 2023 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam theo Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ. Yêu cầu Sở Giáo dục và Đào tạo, các cơ quan, đơn vị liên quan và các địa phương triển khai thực hiện đạt kết quả./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (b/c);
- TTTU, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành, đơn vị liên quan;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Phòng GDĐT các huyện, thị xã, thành phố;
- CPVP;
- Lưu: VT, KTTT, KGVX (O).



**Trần Anh Tuấn**

**PHỤ LỤC**

**TRÙ KINH PHÍ ĐÀO TẠO NÂNG TRÌNH ĐỘ CHUẨN CHO CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN MẦM NON, TIỂU HỌC, THCS NĂM**

*(Kèm theo Kế hoạch số #sovb/KH-UBND ngày #nbh/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam)*

**I. CBQL, giáo viên được cử đi học năm 2021 tiếp tục đào tạo năm 2023**

<b>TT</b>	<b>Cấp</b>	<b>Ngành/Nhóm ngành</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Mức kinh phí/tháng (đồng)</b>	<b>Số tháng</b>	<b>Thành tiền (đồng)</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Mầm non	Giáo dục mầm non	15	710.000	7,5	79.875.000	Trường ĐH Quảng Nam chủ trì đào tạo
2	Tiểu học	Giáo dục tiểu học, Sư phạm Ngữ văn, Ngôn ngữ Anh, Lịch sử	123	890.000	7,5	821.025.000	Trường ĐH Quảng Nam chủ trì đào tạo
3		Sư phạm Vật lí, Công nghệ thông tin	6	1.060.000	7,5	47.700.000	Trường ĐH Quảng Nam chủ trì đào tạo
4		Sư phạm Mĩ thuật	3	1.550.000	7,5	34.875.000	Trường ĐH Quảng Nam liên kết đào tạo
5		Giáo dục thể chất	6	1.560.000	7,5	70.200.000	Trường ĐH Quảng Nam liên kết đào tạo
6		Sư phạm Ngữ văn, Ngôn ngữ Anh, Lịch sử	60	890.000	7,5	400.500.000	Trường ĐH Quảng Nam chủ trì đào tạo
7	THCS	Sư phạm Vật lí, Sư phạm Sinh học, Sư phạm Toán, Công nghệ thông tin	60	1.060.000	7,5	477.000.000	Trường ĐH Quảng Nam chủ trì đào tạo
8		Sư phạm Mĩ thuật	8	1.550.000	7,5	93.000.000	Trường ĐH Quảng Nam liên kết đào tạo
9		Giáo dục thể chất	8	1.560.000	7,5	93.600.000	Trường ĐH Quảng Nam liên kết đào tạo
10		Công tác xã hội	2	1.808.000	7,5	27.120.000	Trường ĐH Quảng Nam liên kết đào tạo
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>291</b>			<b>2.144.895.000</b>	

**II. CBQL, giáo viên được cử đi học năm 2022 tiếp tục đào tạo năm 2023**

TT	Cấp	Ngành/Nhóm ngành	Số lượng	Mức kinh phí/tháng (đồng)	Số tháng	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Mầm non	Giáo dục mầm non	1	710.000	10	7.100.000	Trường ĐH Quảng Nam chủ trì đào tạo
2	Tiểu học	Giáo dục tiểu học	47	890.000	10	418.300.000	Trường ĐH Quảng Nam chủ trì đào tạo
3		Công nghệ thông tin	1	1.060.000	10	10.600.000	Trường ĐH Quảng Nam chủ trì đào tạo
TT	Cấp	Ngành/Nhóm ngành	Số lượng	Mức kinh phí/tháng (đồng)	Số tháng	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
4	THCS	Sư phạm Ngữ văn, Ngôn ngữ Anh, Lịch sử	9	890.000	10	80.100.000	Trường ĐH Quảng Nam chủ trì đào tạo
5		Sư phạm Vật lí, Sư phạm Sinh học, Sư phạm Toán, Công nghệ thông tin	14	1.060.000	10	148.400.000	Trường ĐH Quảng Nam chủ trì đào tạo
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>72</b>			<b>664.500.000</b>	

**III. CBQL, giáo viên cử đi học năm 2023**

TT	Cấp	Ngành/Nhóm ngành	Số lượng	Mức kinh phí/tháng (đồng)	Số tháng	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Mầm non	Giáo dục mầm non	1	710.000	10	7.100.000	Trường ĐH Quảng Nam chủ trì đào tạo
2	Tiểu học	Giáo dục tiểu học, Sư phạm Ngữ văn, Ngôn ngữ Anh, Lịch sử	34	890.000	10	302.600.000	Trường ĐH Quảng Nam chủ trì đào tạo
3		Sư phạm Âm nhạc	46	1.350.000	10	621.000.000	Trường ĐH Quảng Nam liên kết đào tạo



4		Sư phạm Sư phạm Mỹ thuật	7	1.550.000	10	108.500.000	Trường ĐH Quảng Nam liên kết đào tạo
5		Giáo dục thể chất	7	1.560.000	10	109.200.000	Trường ĐH Quảng Nam liên kết đào tạo
6	THCS	Sư phạm Ngữ văn, Lịch sử, Ngôn ngữ Anh	5	890.000	10	44.500.000	Trường ĐH Quảng Nam chủ trì đào tạo
7		Sư phạm Toán, Sư phạm Vật lí, Sư phạm Sinh học, Công nghệ thông tin	7	1.060.000	10	74.200.000	Trường ĐH Quảng Nam chủ trì đào tạo
8		Sư phạm Âm nhạc	42	1.350.000	10	567.000.000	Trường ĐH Quảng Nam liên kết đào tạo
9		Sư phạm Sư phạm Mỹ thuật	2	1.550.000	10	31.000.000	Trường ĐH Quảng Nam liên kết đào tạo
10		Giáo dục thể chất	11	1.560.000	10	171.600.000	Trường ĐH Quảng Nam liên kết đào tạo
11		Sư phạm Địa lí, Hóa học, Giáo dục công dân	33	1.200.000	10	396.000.000	Trường ĐH Quảng Nam liên kết đào tạo
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>195</b>			<b>2.432.700.000</b>	
<b>TỔNG (I + II + III)</b>			<b>558</b>			<b>5.242.095.000</b>	